

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2022

V/v: “Ly hôn”

.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1542/2021/TB-TA ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (Anh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 194/1 ấp TT, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 194/1 ấp TT, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/12/1999. Khi sống chung anh và chị H có hai con chung tên Nguyễn Văn Vũ Trường, sinh ngày 10/7/2000 và cháu Nguyễn Thị Mỹ Linh, sinh ngày 15/06/2002 hiện cháu Trường và

cháu Linh đã trưởng thành.

Cuộc sống hôn nhân anh và chị H thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng đến khoảng năm 2016 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Sau đó, anh và chị H mỗi người tự đi làm ăn xa không sống chung nhau từ khoảng năm 2016 cho đến hôm nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị H, anh không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Văn Vũ T, sinh ngày 10/7/2000 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 15/06/2002 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng chị Trịnh Thị H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trịnh Thị H không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L. Anh L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét.

Về con chung: Nguyễn Văn Vũ Trường, sinh ngày 10/7/2000 và Nguyễn Thị Mỹ Linh, sinh ngày 15/06/2002 đã trưởng thành, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Anh L trình bày không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh L trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc chị Trịnh Thị H vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng chị H vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội

đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Trịnh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của anh L Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn anh L và chị H có thời gian sống chung hạnh phúc thì khoảng năm 2016 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh L cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Theo biên bản xác minh ngày 22/10/2021 của Tòa án đối với bà Trần Thị Tới là mẹ ruột chị H thì bà Tới cho biết là giữa anh L và chị H có mâu thuẫn trong cuộc sống nên từ khoảng năm 2016 đã không còn sống chung, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh L và chị H bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nhiều lần bà nhận được Thông báo, giấy triệu tập của Tòa án đối với chị H. Bà có chuyển giao lại cho chị H đầy đủ, đúng thời gian quy định như đã cam kết nhưng chị H không đến Tòa án theo nội dung Tòa án đã thông báo và triệu tập. Điều đó chứng tỏ chị H không còn tha thiết tình cảm vợ chồng với anh L, không muốn vợ chồng hòa giải để đoàn tụ với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Nguyễn Văn Vũ T, sinh ngày 10/7/2000 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 15/06/2002 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh L trình bày không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh L trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Anh L phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L. Anh L được ly hôn với chị Trịnh Thị H.

Anh L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Nguyễn Văn Vũ T, sinh ngày 10/7/2000 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 15/06/2002 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh L trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh L trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Văn L phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005153 ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân xã Thạnh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương